

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho Quý tài chính kết thúc vào 31 tháng 03 năm 2011



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Quý I năm 2011

Mã số thuế: **3700683163**Người nộp thuế: **Công Ty Cổ Phần Dược Becamex**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam


STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TÀI SẢN				
A	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		46,119,993,928	50,915,022,616
I	I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110=111+112)	110		1,376,994,650	1,857,648,995
1	1. Tiền	111	V.01	1,376,994,650	1,857,648,995
2	2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+129)	120	V.02	0	0
1	1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	0
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		0	0
III	III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 139)	130		25,073,121,358	30,001,450,915
1	1. Phải thu khách hàng	131		23,466,869,711	24,423,636,862
2	2. Trả trước cho người bán	132		252,350,454	4,159,214,968
3	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5	5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1,353,901,193	1,418,599,085
6	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		0	0
IV	IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		17,319,241,659	18,044,171,711
1	1. Hàng tồn kho	141	V.04	17,319,241,659	18,044,171,711
2	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V	V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + 154 + 158)	150		2,350,636,261	1,011,750,995
1	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,311,528,892	170,512,306
2	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	115,782,007	12,143,865
4	4. Tài sản ngắn hạn khác	158		923,325,362	829,094,824
B	B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		70,626,891,825	70,547,073,644
I	I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + 213 + 218 + 219)	210		0	0
1	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3	3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	0	0
4	4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	0	0

K.Đ.Đ.
C
CÓP
BE
CÁT


5	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II	II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227 + 230)	220		69,388,470,734	69,328,970,734
1	1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	V.08	62,737,467,431	62,677,967,431
-	- Nguyên giá	222		70,883,206,451	70,823,706,451
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8,145,739,020)	(8,145,739,020)
2	2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	V.09	0	0
-	- Nguyên giá	225		0	0
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3	3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	V.10	6,651,003,303	6,651,003,303
-	- Nguyên giá	228		6,934,222,500	6,934,222,500
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(283,219,197)	(283,219,197)
4	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	0	0
III	III. Bất động sản đầu tư (240 = 241 + 242)	240	V.12	0	0
-	- Nguyên giá	241		0	0
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + 252 + 258 + 259)	250		0	0
1	1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3	3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	0	0
4	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		0	0
V	V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 268)	260		1,238,421,091	1,218,102,910
1	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,238,421,091	1,218,102,910
2	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3	3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		116,746,885,753	121,462,096,260
	NGUỒN VỐN				
A	A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		65,817,893,336	70,722,166,634
I	I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 319 + 320 + 323)	310		50,983,155,397	55,904,791,715
1	1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	25,659,926,585	24,267,369,814
2	2. Phải trả người bán	312		22,573,958,023	26,676,841,875
3	3. Người mua trả tiền trước	313		33,995,192	28,338,592
4	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	66,813,054	1,222,328,783
5	5. Phải trả người lao động	315		0	0
6	6. Chi phí phải trả	316	V.17	0	0
7	7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2,687,070,147	3,670,520,255
10	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(38,607,604)	39,392,396
II	II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 338 + 339)	330		14,834,737,939	14,817,374,919
1	1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0

2	2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3	3. Phải trả dài hạn khác	333		335,000,000	342,000,000
4	4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	14,475,374,919	14,475,374,919
5	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		24,363,020	0
7	7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8	8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		50,928,992,417	50,739,929,626
I	I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410	V.22	50,928,992,417	50,739,929,626
1	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40,400,000,000	40,400,000,000
2	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4,937,900,000	4,937,900,000
3	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4	4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(196,000,000)	(196,000,000)
5	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7	7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,707,778,476	2,707,778,476
8	8. Quỹ dự phòng tài chính	418		408,449,083	408,449,083
9	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,670,864,858	2,481,802,067
11	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430=432+433)	430		0	0
1	1. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
2	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		116,746,885,753	121,462,096,260
	CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1	1. Tài sản thuê ngoài			0	0
2	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			0	0
3	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			0	0
4	4. Nợ khó đòi đã xử lý			0	0
5	5. Ngoại tệ các loại			0	0
6	6. Dự án chi sự nghiệp, dự án			0	0

Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thái Sơn

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)


Lê Trung Kiên

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)




Phạm Thị Khanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quý I năm 2011

Mã số thuế: **3700683163**

Người nộp thuế: **Công Ty Cổ Phần Dược Becamex**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam


Stt	Chi tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	13,387,532,828	70,517,057,816
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	515,351,723
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		13,387,532,828	70,001,706,093
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	10,049,841,320	55,946,230,504
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3,337,691,508	14,055,475,589
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	12,011,127	116,926,353
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	853,977,121	2,922,875,528
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		847,539,413	2,803,130,256
8	Chi phí bán hàng	24		996,988,077	2,773,186,125
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,269,388,729	5,961,679,400
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		229,348,708	2,514,660,889
11	Thu nhập khác	31		127,159,741	633,366,851
12	Chi phí khác	32		0	22,000
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		127,159,741	633,344,851
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		356,508,449	3,148,005,740
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	44,563,556	484,419,626
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	0	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		311,944,893	2,663,586,114
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	66


Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)


Nguyễn Thái Sơn


Lê Trung Hiếu




Phạm Thị Khanh

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quý I năm 2011

Mã số thuế:

3700683163

Người nộp thuế:

Công Ty Cổ Phần Dược Becamex

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		12,114,760,920	52,793,431,070
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(7,814,895,865)	(43,761,629,904)
3	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,398,749,938)	(4,055,629,944)
4	4. Tiền chi trả lãi vay	04		(805,150,663)	(2,578,224,738)
5	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(883,278,898)	0
6	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		137,330,980	2,182,177,717
7	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(130,670,881)	(1,948,711,601)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,219,345,655	2,631,412,600
II	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	0
III	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	135,735,657
4	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,700,000,000)	(2,124,621,657)
5	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,700,000,000)	(1,988,886,000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(480,654,345)	642,526,600
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,857,648,995	1,215,122,395
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34	1,376,994,650	1,857,648,995

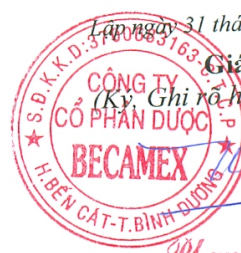
Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Nh
Nguyễn Thái Sơn

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lưu
Lê Trung Hiếu

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011
Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Phạm Thị Khanh
Phạm Thị Khanh



CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Becamex (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000202 ngày 29 tháng 12 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 3700683163 (số đăng ký kinh doanh cũ 4603000202) thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính của công ty được đặt tại đường NA 6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát tỉnh Bình Dương. Chi nhánh được đặt tại đường ĐT 743, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Công ty có 96 địa điểm kinh doanh là các hiệu thuốc và trung tâm dược phẩm, mỹ phẩm được đặt tại Bình Dương.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng.
- Sản xuất dược phẩm, vật tư y tế;
- Mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm, hóa chất, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược, mỹ phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2011 kết thúc vào ngày 31/12/2011)

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1- Chế độ kế toán áp dụng: công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập báo cáo tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng: hình thức kế toán máy.

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1- Cơ sở lập báo cáo tài chính:

- + Báo cáo tài chính được sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ), và được soạn lập theo chế độ Kế toán, chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- + Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

3- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho của Công ty bao gồm : nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa.
- Hàng tồn kho thể hiện theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá hàng tồn kho và hàng lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, giá chế biến.
- Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Khi cần thiết thì việc lập dự phòng được thực hiện cho hàng tồn kho bị giảm giá, lỗi thời, chậm luân chuyển và hư hỏng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.
 - Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng phù hợp với quy định của quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau :
- | | |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 20 Năm |
| Máy móc thiết bị | 5 – 10 Năm |
| Phương tiện vận tải | 10 Năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 – 5 Năm |

Tài sản cố định vô hình là :

- a. Phần mềm quản lý sản xuất được do Trung tâm Công nghệ Dược (Sapharcen) cung cấp được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với quy định của quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính trong 3 năm kể từ tháng 12 năm 2007.

- b. Quyền sử dụng đất: 41.657m² (diện tích đất tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Bến Cát, Bình Dương)

- c. Phần mềm quản trị doanh nghiệp do Công ty CP Phúc Hưng Thịnh cung cấp

Nguyên giá của tài sản cố định là giá thanh toán theo hợp đồng.

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

5- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư;
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

6- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay;
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ;

8- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: chi phí trả trước ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo chi phí ngắn hạn và dài hạn
- Chi phí khác;
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc;
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại.

9- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp mất việc. Mức trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được áp dụng tại công ty là 1% trên quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người làm động mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Đây là vốn góp từ việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng / (giảm) do phát hành cổ phiếu cao / (thấp) hơn mệnh giá và chênh lệch tăng giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu tài chính:

- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua, dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại;
- Đối với tiền lãi: doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá dùng hạch toán và tỷ giá thực tế hạch toán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận để tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN hàng năm theo thuế suất phổ thông là 25%.

Do là cơ sở kinh doanh di chuyển đến khu công nghiệp thuộc địa bàn kinh tế khó khăn, công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN trong 2 năm (năm 2008 và năm 2009) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp 6 năm tiếp theo.

15- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

16- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		(Đơn vị tính: đồng Việt Nam)	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
01- Tiền			
- Tiền mặt		673.113.655	599.384.784
- Tiền gửi ngân hàng		703.880.995	1.258.264.211
- Tiền đang chuyển			
	Cộng	1.376.994.650	1.857.648.995
02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:		Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn			
- Đầu tư ngắn hạn khác		0	0
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
	Cộng	0	0
03- Các khoản phải thu ngắn hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hoá			
- Phải thu khách hàng		23.466.869.711	24.423.636.862

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- Trả trước cho người bán	252.350.454	4.159.214.968
- Phải thu khác	1.353.901.193	1.418.599.085
Cộng	25.073.121.358	30.001.450.915

04- Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	6.955.759.530	5.709.521.854
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí SX, KD dở dang	2.088.026.399	873.350.963
- Thành phẩm	1.129.181.012	3.580.244.400
- Hàng hóa	2.462.229.973	2.661.557.342
- Hàng gửi đi bán	4.684.044.745	5.219.497.152
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	17.319.241.659	18.044.171.711

* Giá trị ghi số của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

05- Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.311.528.892	170.512.306
- Thuế GTGT được khấu trừ:	-	-
- Tài sản thiếu chờ xử lý:	-	-
- Tạm ứng:	640.117.300	540.324.518
- Ký quỹ ngắn hạn:	283.208.062	288.770.306
Cộng	2.234.854.254	999.607.130

06- Phải thu dài hạn nội bộ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng	-	-

07- Phải thu dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản tiền nhận uỷ thác	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

** Thuyết minh số liệu và giải trình khác:*

08 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Số cuối kỳ

Số đầu kỳ

- Tổng số chi phí XDCB dở dang:

Trong đó (Những công trình lớn):

+ Công trình: Trung tâm TM Mỹ Phước

+ Công trình: xây dựng nhà máy

+

09 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	36.208.575.694	30.849.537.795	2.470.143.888	466.221.386	829.227.688	70.823.706.451
Số dư đầu năm	36.208.575.694	30.849.537.795	2.470.143.888	466.221.386	829.227.688	70.823.706.451
- Mua trong năm					59.500.000	
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	36.208.575.694	30.849.537.795	2.470.143.888	466.221.386	888.727.688	70.883.206.451
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.851.248.734	4.703.452.507	1.027.661.013	323.598.435	239.778.331	8.145.739.020
- Khấu hao trong năm						
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	1.851.248.734	4.703.452.507	1.027.661.013	323.598.435	239.778.331	8.145.739.020
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	34.357.326.960	26.146.085.288	1.442.482.875	142.622.951	648.949.357	62.677.967.431
- Tại ngày đầu năm	34.357.326.960	26.146.085.288	1.442.482.875	142.622.951	589.449.357	62.677.967.431
- Tại ngày cuối kỳ	34.357.326.960	26.146.085.288	1.442.482.875	142.622.951	648.949.357	62.677.967.431

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

10- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	...	TSCĐ hữu hình khác	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính							
Số dư đầu năm							
- Thuê tài chính trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm							
- Khấu hao trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính							
- Tại ngày đầu năm							
- Tại ngày cuối năm							

* *Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:*

* *Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm:*

* *Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:*

11- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng	Phần mềm quản lý sản xuất	Phần mềm quản lý B4U	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình	6.615.131.600	39.090.900	280.000.000	6.934.222.500
Số dư đầu năm	6.615.131.600	39.090.900	280.000.000	6.934.222.500
- Mua trong năm				
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				
- Tăng do hợp nhất kinh doanh				
- Tăng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm				
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	165.378.288	39.090.900	78.750.009	283.219.197
- Khấu hao trong năm				
- Tăng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm	165.378.288	39.090.900	78.750.009	283.219.197
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình	6.449.753.312	-	201.249.991	6.651.003.303
- Tại ngày đầu năm	6.449.753.312		201.249.991	6.651.003.303
- Tại ngày cuối kỳ	6.449.753.312		201.249.991	6.651.003.303

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

12 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

13- Đầu tư dài hạn khác:

- Đầu tư cổ phiếu
- Đầu tư trái phiếu
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu
- Cho vay dài hạn
- Đầu tư dài hạn khác

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

14- Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ
- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình
- Chi phí trả trước dài hạn khác

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

15- Vay và nợ ngắn hạn

- Vay ngắn hạn
- Nợ dài hạn đến hạn trả

Cộng

1.238.421.091

1.218.102.910

1.238.421.091**1.218.102.910**

Số cuối kỳ

Số đầu năm

19.959.926.585

16.867.369.814

5.700.000.000

7.400.000.000

25.659.926.585**24.267.369.814**

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

66.813.055

425.260.812

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(86.210.927)	797.067.971
- Thuế thu nhập cá nhân	(29.571.080)	(12.143.865)
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	(48.968.952)	1.210.184.918
17- Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
Cộng
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	228.327.618	192.870.972
- Bảo hiểm xã hội	126.244.014	(20.805.381)
- Bảo hiểm y tế	29.931.013	2.502.588
- Phải trả về cổ phần hoá	2.060.400.000	2.060.400.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	335.000.000	342.000.000
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	242.167.502	1.414.746.695
Cộng	3.022.070.147	3.991.714.874
19- Phải trả dài hạn nội bộ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		
Cộng
20- Vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a - Vay dài hạn	-	-
- Vay ngân hàng	14.475.374.919	14.475.374.919
trừ nợ dài hạn đến hạn trả:		
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành		
b - Nợ dài hạn		
- Thuê tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
Cộng	14.475.374.919	14.475.374.919

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

c- Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	T
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm						
Trên 5 năm						

21 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

Số cuối kỳ

Số đ
nă

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số cuối kỳ

Số đ
nă

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

22- Vốn chủ sở hữu
a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu 01/01/2009	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	270.597.556	48.528.725.115
- Tăng vốn trong năm nay						-	-
- Lãi trong năm nay						2.663.586.114	2.663.586.114
- Trích quỹ						-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(340.444.292)	(340.444.292)
- Chia cổ tức						-	-
- Giảm khác						(111.937.311)	(111.937.311)
Số dư 31/12/2009	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	2.481.802.067	50.739.929.626
Số dư 01/01/2010	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	2.481.802.067	50.739.929.626
- Tăng vốn trong năm nay						-	-
- Lãi trong năm nay						356.508.449	356.508.449
- Trích quỹ						-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi						-	-
- Chia cổ tức						-	-
- Giảm khác						(167.445.658)	(167.445.658)
Số dư 31/12/2010	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	2.670.864.858	50.928.992.417

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước (*)	20.604.000.000	20.604.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	19.796.000.000	19.796.000.000
- ...		
Cộng	40.400.000.000	40.400.000.000

* Do Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp đại diện, nắm giữ 51% vốn điều lệ, bằng 2.060.400 cổ phần, tương đương 20.604.000.000 VNĐ

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.400.000.000	40.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp Số cuối năm	40.400.000.000	40.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....

d- Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.040.000	4.040.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.040.000	4.040.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.040.000	4.040.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	19.600	19.600
+ Cổ phiếu phổ thông	19.600	19.600
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.020.400	4.020.400
+ Cổ phiếu phổ thông	4.020.400	4.020.400
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển : 2.707.778.476 đồng
- Quỹ dự phòng tài chính : 408.449.083 đồng
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu :

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

f- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23- Nguồn kinh phí	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm		

24- Tài sản thuê ngoài	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)- Giá trị tài sản thuê ngoài		
- TSCĐ thuê ngoài		
- Tài sản khác thuê ngoài		
(2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		...
- Từ 1 năm trở xuống		
- Trên 1 năm đến 5 năm		
- Trên 5 năm		

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	(Đơn vị tính: VND)	
	Năm nay	Năm trước
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	13.387.532.828	70.517.057.816
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hoá	8.067.441.940	39.296.807.952
- Doanh thu bán hàng sản xuất	5.227.752.959	30.992.826.141
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	92.337.929	227.423.723
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ;		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)		(515.351.723)
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		(515.351.723)
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	13.387.532.828	70.001.706.093

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Trong đó:

- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ

28 - Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.409.319.445	34.697.361.106
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.640.521.875	21.248.869.398
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán		
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư		
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	10.049.841.320	55.946.230.504
29 - Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.011.127	41.356.493
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		75.569.860
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	12.011.127	116.926.353
30 - Chi phí tài chính (Mã số 22)	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	847.539.413	2.803.130.256
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.437.708	119.745.272
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	853.977.121	2.922.875.528
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	44.563.556	484.419.626
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	44.563.556	484.419.626

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

	Năm nay	Năm trước
32 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
33- Chi phí sản xuất	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	815.608.147	15.097.950.108
- Chi phí nhân công	232.543.744	940.674.990
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	0	3.206.846.685
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	459.173.791	1.213.654.991
- Chi phí khác bằng tiền	183.884.474	3.238.352.371
Cộng	1.691.210.156	23.697.479.145

VII- THÔNG TIN BỔ CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Đơn vị tính:.....)

	Năm nay	Năm trước
34- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng		
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý;
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;
- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ.
c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.		

CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: NA6, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC


- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:.....
- 3- Thông tin về các bên liên quan:.....
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”(2):
- 5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
- 6- Thông tin về hoạt động liên tục:
- 7- Những thông tin khác. (3)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thái Sơn

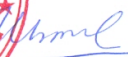
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Lê Trung Hiếu

Lập ngày ... tháng ... năm 2011

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Thị Khanh

